

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
A DONG PAINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Liberty – Happiness

Số: 006/CBTT-ADP.2026
No.: 006/CBTT-ADP.2026

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh city, April 12th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán nhà nước/ *The State Securities Commission of Viet Nam*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG/
A DONG PAINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ *Stock code* : ADP
- Địa chỉ/ *Address* : 1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, Tp Hồ Chí Minh/
1387 Ben Binh Dong, Ward Phu Dinh, Ho Chi Minh city
- Điện thoại liên hệ/ *Tel* : 028.38552689 Fax: 028.38555092
- E-mail : info@adongpaint.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure*:

Công ty cổ phần Sơn Á Đông công bố thông tin/ *A Dong Paint Stock Company announces information*:
- Báo cáo thường niên năm 2025
- ANNUAL REPORT 2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/04/2026 tại đường dẫn/ *This information was published on the company's website information page on 12/04/2026, at the following link*: <https://adongpaint.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We guarantee that the information published here is true and take full legal responsibility for the content of the published information.*

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
A DONG PAINT STOCK COMPANY

Người ủy quyền công bố thông tin/
Person authorized to disclose information

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
PERMANENT DEPUTY GENERAL DIRECTOR

LÊ ĐÌNH QUANG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
A DONG PAINT
WWW.ADONGPAINT.COM.VN

MỤC LỤC

01. THÔNG TIN CHUNG		02. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
Thông tin khái quát	05	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
Quá trình hình thành và phát triển	06	Tổ chức và nhân sự	22
Các giải thưởng và ghi nhận nổi bật	07	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	30
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	08	Cơ cấu cổ đông	34
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	12	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	35
Định hướng phát triển và tôn chỉ	13		
Các rủi ro	17		
03. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		04. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Đánh giá kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh	39	Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty	45
Tình hình tài chính	41	Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	46
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	42	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	47
Kế hoạch phát triển trong tương lai	43		
05. QUẢN TRỊ CÔNG TY		06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Hội đồng quản trị	49	Ý kiến kiểm toán	53
Ủy ban kiểm toán	51	Báo cáo tài chính được kiểm toán	
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy Ban Kiểm toán	52		

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á
CTCP	Công ty Cổ phần
CHXHHCN	Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	Hội đồng quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
HTCL	Hệ thống chất lượng
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng Thương mại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCT	Phó Chủ tịch
Phòng KHVT	Phòng Kế hoạch vật tư
Phòng HCNS	Phòng Hành chính nhân sự
Phòng TCKT	Phòng Tài chính Kế toán
Phòng QLSX	Phòng Quản lý sản xuất
QRM	Hệ thống Quản lý chất lượng
QTKD	Quản trị kinh doanh
ROA	Tỷ suất sinh lời trên tài sản
ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
SGDs	Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TMDV SX	Thương mại Dịch vụ Sản xuất
TGD	Tổng Giám đốc
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
VĐL	Vốn điều lệ
XN	Xí nghiệp
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
UBKT	Ủy Ban Kiểm toán



01

THÔNG TIN CHUNG

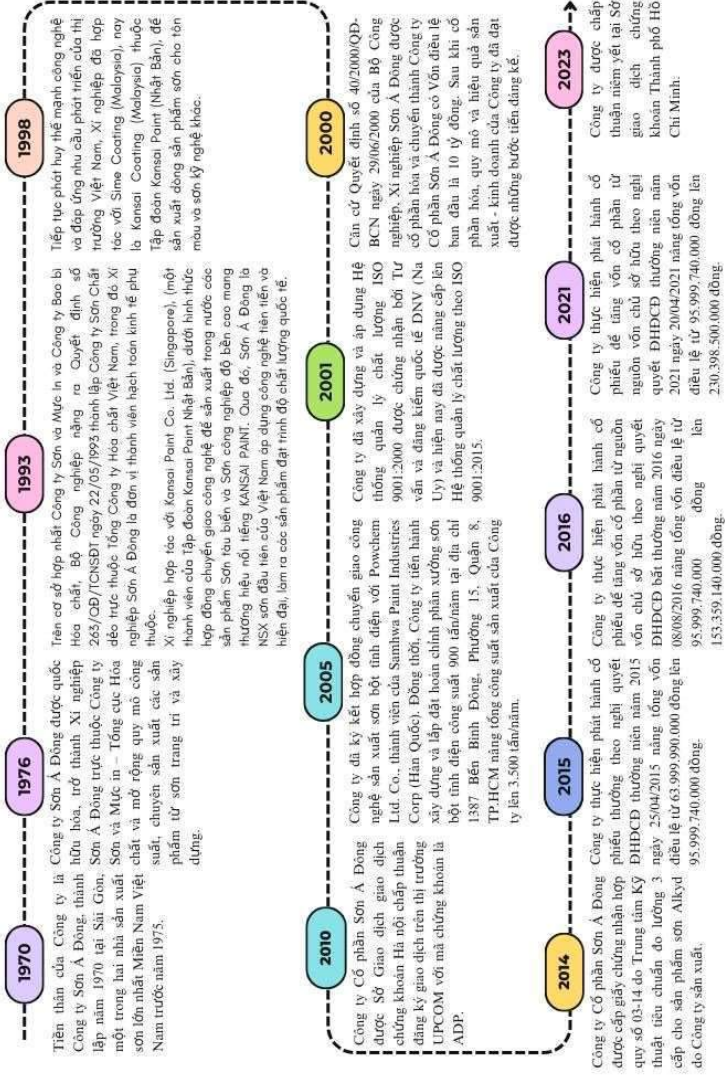
Thông tin khái quát	05
Quá trình hình thành và phát triển	06
Các giải thưởng và ghi nhận nổi bật	07
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	08
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	12
Định hướng phát triển và tôn chỉ	13
Các rủi ro	17

THÔNG TIN KHÁI QUÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
Tên Tiếng Anh	A DONG PAINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	ADP
Vốn điều lệ	230.398.500.000 Đồng
Trụ sở chính	1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, TP.HCM
Điện thoại	(028) 38552689
Fax	(028) 38555092
Website	www.adongpaint.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	Số 0302066222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08/05/2023.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ GHI NHẬN NỔI BẬT

- 2005** Ngày 24/05/2005, Chủ tịch nước ký Quyết định số 626/QĐ-CTN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Công ty Cổ phần Sơn Á Đông và Huân chương Lao động hạng Ba cho Bà Nguyễn Thị Nhung - Giám đốc Công ty về thành tích xuất sắc trong công tác 2001 - 2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- 2010** Ngày 09/11/2010 Chủ tịch nước ký Quyết định số 1885/QĐ-CTN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Công ty Cổ phần Sơn Á Đông về thành tích xuất sắc trong công tác 2005 - 2009, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- 2014** Cờ của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng Công ty Cổ phần Sơn Á Đông 40 năm xây dựng và phát triển (1970 - 2010)
- 2015** Cờ của Bộ Công Thương tặng Công ty Cổ phần Sơn Á Đông Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.
- Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.
- Kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Sơn Á Đông phân phối sản phẩm trên phạm vi toàn quốc, bao gồm khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Tây Ninh, Đồng Nai, còn mở rộng đến các tỉnh miền Trung, miền Tây Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên, nhằm đáp ứng hiệu quả nhu cầu đa dạng của khách hàng trên khắp các vùng miền.



SẢN PHẨM KINH DOANH

SƠN XÂY DỰNG, TRANG TRÍ

**Sơn Alkyd Á Đông Sumo AC,
Sơn Alkyd Á Đông White Horse**

- Sử dụng ngoài trời lẫn trong nhà. Màng sơn dẻo dai, độ bóng và che phủ cao, chịu đựng tốt với thời tiết và dễ dàng sử dụng, màu sắc đa dạng, ...
- Sản phẩm là một loại sơn dung môi Alkyd tổng hợp phổ thông và đa dụng dùng để trang trí; bảo vệ trên các bề mặt vật liệu bằng kim loại, gỗ, ... (các loại cửa, hàng rào, khung sắt thép trong các hạng mục xây dựng, thiết bị, ...) sử dụng ngoài trời lẫn trong nhà.



Sơn Alkyd Á Đông Sumo AC



Sơn Alkyd Á Đông White Horse

**Sơn nước trong nhà,
Sơn nước ngoài trời**

- Sử dụng ngoài trời lẫn trong nhà, sử dụng dễ dàng.
- Sơn khô nhanh, màu sắc đa dạng. Màng sơn phẳng láng có độ bám tốt, bền thời tiết cao, bền màu với thời gian khả năng chịu rửa nước và chống nấm mốc rong rêu tốt.
- Sản phẩm sơn nước dùng rộng rãi cho tường, trần bên trong nhà, ngoài trời và sơn sàn cho công trình kiến trúc xây dựng như nhà riêng lẻ, nhà cao tầng...



Sơn nước trong nhà



Sơn nước ngoài trời

SẢN PHẨM KINH DOANH

SƠN KỸ NGHỆ



Sơn Bình Gas – Cơ khí – Thùng Phuy

SƠN BÌNH GAS – CƠ KHÍ – THÙNG PHUY

- Màng sơn bóng đẹp, độ cứng cao, màu sắc phong phú theo yêu cầu khách hàng.
- Tính năng kháng hóa chất, dầu mỡ và dung môi cao, dễ sử dụng, màng sơn bền dẻo và chịu va đập tốt.
- Sản phẩm Alkyd melamin dùng sơn phủ hoàn thiện cho nhiều loại bề mặt, đặc biệt là bề mặt thép như thùng phuy, bình gas, bao bì kim loại, sản phẩm cơ khí và dụng cụ gia dụng khác trước khi xuất xưởng.

SƠN TÔN CUỘN MÀU



Sơn Tôn cuộn màu

- Có nhiều dòng sản phẩm và chủng loại đáp ứng đa dạng mục đích sử dụng trong ngành Tôn mạ trong và ngoài nước.
- Màng sơn có tính mềm dẻo tốt - định hình cao, giữ được độ bóng lâu dài, bền màu và bền thời tiết cao. Cảnh đó tính năng chống ăn mòn và lý - hóa tuyệt vời.
- Sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế (ASTM, JIS, ISO, ...), dùng cho dây chuyền sơn cuộn để sản xuất tôn mạ màu sử dụng rộng rãi trong các công trình dân dụng và công nghiệp: làm tấm lợp, vách ngăn, tường rào, cửa màn, mái hiên (nhà thép tiền chế, nhà xưởng, nhà máy thủy nhiệt điện, ...) và thiết bị dụng cụ gia dụng.

SẢN PHẨM KINH DOANH

SƠN XÂY DỰNG, TRANG TRÍ

SƠN TÀU BIỂN CÔNG TRÌNH

Sơn được sử dụng cho các Công trình:

- Công trình dầu khí
- Công trình nhà máy, nhà xưởng, công trình công nghiệp
- Công trình điện - thủy điện
- Công trình giao thông: cầu, cảng
- Công trình viễn thông
- Công trình đường ống, bồn bể
- Sản phẩm cơ khí, máy móc, thiết bị, dụng cụ kim loại. Sơn mới, bảo trì các loại tàu sông.



Sơn Epoxy



Sơn Tàu biển

Hệ thống sơn nhiều chủng loại đa dạng đáp ứng nhiều mục đích sử dụng. Sản phẩm chịu đựng tốt với nước biển, dầu và hóa chất. Màng sơn dẻo dai, chịu va đập và mài mòn tốt, tương thích với các hệ sơn Epoxy chống ăn mòn, dễ dàng sử dụng. Các dòng sơn phủ có ưu điểm chịu đựng thời tiết và duy trì độ bóng cực tốt.



Sơn Poly Urethane



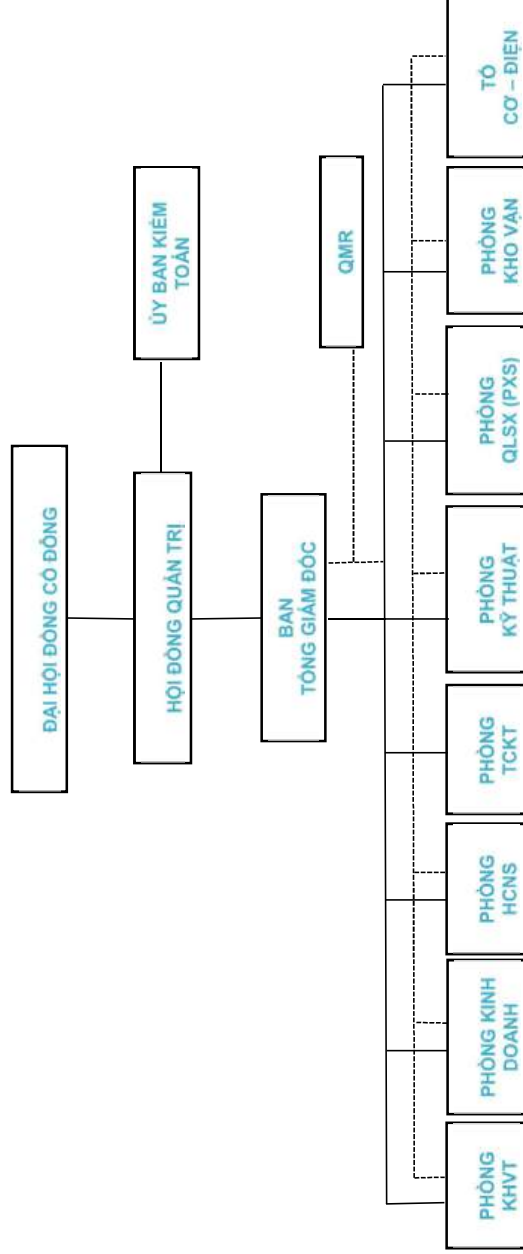
Sơn công trình

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông
- Ủy ban kiểm toán
- Ban Tổng Giám đốc

Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết



Chú thích:

—: Sơ đồ tổ chức

-----: Sơ đồ liên quan HTCL - Phòng TCKT: Chi liên quan một phần đến HTCL

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

13

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ TÔN CHỈ SỨ MỆNH VÀ TÂM NHÌN SỨ MỆNH TÂM NHÌN

Son Á Đông cam kết đổi mới không ngừng để cung cấp những sản phẩm chất lượng cao với giá thành hợp lý cho người tiêu dùng nhằm mang lại không gian sống đẹp, bền vững, bảo vệ công trình và tạo giá trị bền vững cho cộng đồng. Đồng thời, chúng tôi luôn hướng đến việc tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và mang lại môi trường làm việc tốt nhất, đầy cảm hứng cho đội ngũ nhân viên.

Tầm nhìn chiến lược của Son Á Đông là trở thành biểu tượng tiên phong trong ngành sơn tại Việt Nam, khẳng định vị thế dẫn đầu bằng chất lượng vượt trội và sự sáng tạo không ngừng. Son Á Đông cam kết mang đến những sản phẩm và giải pháp đột phá, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, từ thẩm mỹ, độ bền cho đến tính thân thiện với môi trường. Trên cơ sở không ngừng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ, thúc đẩy sự đổi mới trong từng sản phẩm. Bên cạnh đó, chúng tôi chú trọng xây dựng một thương hiệu vững mạnh và sự đồng hành lâu dài cùng khách hàng, nhân viên và cổ đông. Chúng tôi đặt mục tiêu không chỉ vượt qua mong đợi của thị trường mà còn góp phần nâng tầm ngành sơn trong nước, dẫn dắt ngành công nghiệp sơn Việt Nam vươn xa, khẳng định vị thế và uy tín trên trường quốc tế.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

14

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ TÔN CHỈ

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

ADP luôn nỗ lực là một tổ chức có trách nhiệm xã hội, luôn tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội, góp phần xây dựng đất nước ngày càng phát triển.



ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

ADP luôn đặt khách hàng lên hàng đầu, lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo cho sự thành công của doanh nghiệp. ADP cam kết cung cấp những sản phẩm chất lượng cao, giá cả hợp lý nhất để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.



ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Mỗi thành viên trong Công ty là một giá trị. ADP là môi trường giúp các thành viên phát huy tối đa tiềm năng, gia tăng giá trị bản thân và đóng góp cho sự phát triển của Công ty.



CHIẾN LƯỢC TRONG TƯƠNG LAI

CHIẾN LƯỢC NGẮN HẠN

- Tập trung vào việc mở rộng thị phần và củng cố vị thế thương hiệu trên thị trường. Đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển, nhằm đổi mới sản phẩm và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu đa dạng của khách hàng. Đồng thời, Công ty cũng tập trung vào việc tối ưu hóa chiến lược marketing, nhằm tăng cường nhận thức thương hiệu và xây dựng một hình ảnh doanh nghiệp mạnh mẽ, đáng tin cậy trong lòng khách hàng.
- Không ngừng tìm kiếm các cơ hội hợp tác và liên kết với các đối tác chiến lược, để mở rộng mạng lưới phân phối và tiếp cận khách hàng một cách rộng rãi hơn. Tăng cường hiệu quả kênh phân phối sẽ giúp Công ty nâng cao khả năng cạnh tranh, qua đó tạo lợi thế trên thị trường và đẩy mạnh doanh số bán hàng.
- Duy trì và tăng cường khả năng cạnh tranh, Công ty chú trọng vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, từ việc tư vấn trước bán hàng đến dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng. Công ty tin rằng, sự hài lòng của khách hàng sẽ là nền tảng vững chắc nhất cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong tương lai.

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Nâng cao chất lượng sản phẩm: Đầu tư nghiên cứu và phát triển để sản xuất những sản phẩm mới, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Mở rộng thị trường: Mở rộng hệ thống phân phối, tiếp cận với nhiều khách hàng tiềm năng hơn. Tăng cường hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu, nâng cao nhận diện thương hiệu.
- Tăng cường năng lực cạnh tranh: Nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh.
- Nhân lực: Tăng cường đào tạo và quản lý nhân viên để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Quản lý chi phí: quản lý chi phí hiệu quả để tăng lợi nhuận, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và các bên đối tác liên quan.
- Tái cấu trúc Công ty: Theo hướng tinh gọn, hiệu quả đảm bảo khả năng cơ động trong việc đa dạng hóa các loại hình kinh doanh và phương thức kinh doanh.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông cam kết giảm thiểu lượng phát thải ra môi trường trong quá trình sản xuất, tuân thủ các quy định về xử lý, tái chế chất thải, góp phần bảo vệ môi trường.



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm cho công nhân viên, xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, đồng thời quan tâm đến công tác thu gom, xử lý chất thải, góp phần xây dựng xã hội và cộng đồng ngày càng văn minh, hiện đại.



TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Sơn Á Đông mong muốn góp phần làm tăng tiến chất lượng cuộc sống bằng các hoạt động thân thiện với con người, môi trường và thiên nhiên, lấy sự thỏa mãn khách hàng làm thước đo sự trung tín, sức sáng tạo và nỗ lực hoàn thiện của công ty. Sơn Á Đông bảo đảm hài hòa lợi ích công ty với lợi ích quốc gia và xã hội.

- Khách hàng trước hết
- Chất lượng toàn diện
- Cải tiến không ngừng



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2025, kinh tế toàn cầu bước vào giai đoạn đầy bất ổn khi các xung đột địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại của Mỹ trở thành những rào cản tăng trưởng mới. Làn sóng thuế quan không chỉ làm xáo trộn chuỗi cung ứng mà còn làm lung lay niềm tin của giới đầu tư. Trước những thách thức này, Ngân hàng Thế giới (WB) đã buộc phải điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống mức 2,3%, đây là mức thấp nhất kể từ giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008



Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế năm 2025 với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,02 % cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025 nhờ động lực chính từ thương mại dịch vụ và sản xuất công nghiệp. Với mức tăng trưởng kinh tế vượt hơn 8% của Việt Nam là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, đặc biệt là căng thẳng thương mại, chính sách thuế đối ứng của Mỹ. Đây là mức cao nhất trong khu vực ASEAN và thuộc nhóm tăng trưởng hàng đầu thế giới, cho thấy kinh tế Việt Nam đang khởi sắc đã lấy lại đà tăng trưởng sau đại dịch COVID-19. Với chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã từng bước phát huy hiệu quả.

Rủi ro pháp luật

Mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đều phải chịu sự chi phối và quản lý của pháp luật và Công ty Cổ phần Sơn Á Đông không phải ngoại lệ. Do đó, Công ty chịu sự quản lý từ các quy định của pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế... và các Nghị định, Thông tư và văn bản liên quan đến hoạt động của công ty. Ngoài ra, hoạt động sản xuất và kinh doanh sơn cũng chịu ràng buộc và chính sách quy định của pháp luật về an toàn đối với người tiêu dùng và bảo vệ môi trường. Chính vì sự ràng buộc này dẫn đến nhiều khó khăn cho Công ty khi Luật áp dụng các quy định khác nhau. Các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Bất cứ một thay đổi nào trong các quy định trên đều sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, Công ty đã luôn chủ động cập nhật quy định luật pháp, hoàn thiện hệ thống quản lý và từ đó đưa các kế hoạch phù hợp và hạn chế tối đa các tác động đến hoạt động sản xuất của Công ty.



Rủi ro tỷ giá

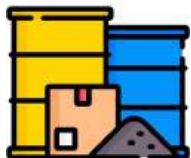
Rủi ro tỷ giá là loại rủi ro mà doanh nghiệp luôn ở thế bị động và khó có khả năng ứng phó nhất. Rủi ro tỷ giá gây tổn thất cho doanh nghiệp thông qua tác động đến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài trợ. Trong năm 2025, Tỷ giá trung tâm USD/VND năm 2025 khép lại ở mức 25.121 VND/USD, tăng khoảng 3,2% (786 đồng) so với đầu năm. Tỷ giá biến động cao nhất vào giữa năm (vượt 25.200 VND/USD vào tháng 7) trước khi hạ nhiệt, với biên độ ngân hàng thương mại phổ biến quanh 25.100 – 25.400 VND/USD, cho thấy đồng đô la Mỹ tiếp tục chiếm ưu thế so với đồng Việt Nam. Tỷ giá SGD-VND nằm trong khoảng từ 19.000 VND đến 20.800 VND, với mức trung bình khoảng 19.900 VND, phản ánh sự ổn định tương đối của đồng đô la Singapore nhưng vẫn tăng nhẹ so với VND. Hiện nay, Công nghiệp sản xuất sơn Việt Nam hầu như lệ thuộc vào nguồn cung ứng từ nước ngoài, tỉ lệ nguyên liệu nhập khẩu chiếm đến 70% nhu cầu sử dụng của Công ty. Do đó, hoạt động kinh doanh của ADP chịu áp lực từ sự biến động của thị trường tài chính quốc tế. Có thể nói rủi ro tỷ giá là loại rủi ro thường xuyên gặp và đáng lo ngại đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty. Phòng ngừa rủi ro từ biến động tỷ giá, Công ty đã áp dụng các biện pháp như sử dụng công cụ tài chính phái sinh, đa dạng hóa nguồn thu/chỉ ngoại tệ, quản lý dòng tiền hiệu quả, và hợp tác chặt chẽ với ngân hàng. Những giải pháp này giúp doanh nghiệp ổn định hoạt động và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

RỦI RO ĐẶC THÙ

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Thành phần chính của sơn là nhựa (polymer), ngoài ra còn có một số chất dung môi, bột màu và phụ gia. Các thành phần này đa số được chiết xuất từ sản phẩm của dầu mỏ nên sự biến động của tình hình kinh tế - xã hội thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu của Công ty.

Nhằm ứng phó với tình hình giá cả nguyên vật liệu biến đổi khó lường, ADP đã đưa ra các biện pháp như ADP chủ động đàm phán với các nhà cung cấp nguyên vật liệu để điều chỉnh giá, hướng đến tối ưu hóa chi phí đầu vào.



Song song đó, ADP tiết giảm chi phí sản xuất, kinh doanh và tham gia các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro.

Để đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu không bị đứt gãy và không phụ thuộc vào một nhà cung cấp duy nhất, ADP đã chủ động tìm kiếm thêm các nhà cung cấp khác. Việc đa dạng hóa nguồn cung giúp Công ty chủ động hơn trong việc lựa chọn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý và chất lượng đảm bảo.

RỦI RO CHÁY NỔ



Nhà máy sản xuất sơn là nơi tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao bởi nguyên liệu pha chế sơn đều là hóa chất dễ cháy. Đám cháy tại nhà máy sơn rất nguy hiểm, khó dập tắt và gây thiệt hại lớn về người, tài sản và ảnh hưởng môi trường. Do đó, đảm bảo an toàn PCCC tại cơ sở sản xuất kinh doanh luôn là mối quan tâm hàng đầu của Công ty.

Để đảm bảo an toàn PCCC, ADP đã thực hiện các biện pháp như: Lắp đặt hệ thống báo cháy, chống cháy tự động; trang bị đầy đủ phương tiện chữa cháy cho lực lượng PCCC tại chỗ; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị PCCC; tổ chức huấn luyện, diễn tập PCCC cho toàn thể CBCNV.

RỦI RO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Sơn là một vật liệu phổ biến trong cuộc sống hiện đại, được sử dụng rộng rãi trong trang trí nhà cửa, công trình xây dựng... Năm bắt nhu cầu đó, ngày càng có nhiều nhà máy, xưởng sản xuất sơn ra đời. Điều này cũng đi kèm với vấn đề ô nhiễm môi trường do ngành sản xuất sơn gây ra.

Công ty ý thức được những rủi ro về môi trường và sức khỏe của người lao động do hoạt động sản xuất của mình gây ra. Để hạn chế tối đa những rủi ro này, Công ty đã xây dựng các hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Ngoài ra, Công ty cũng định kỳ cung cấp, thay thế đồ bảo hộ lao động cho người lao động và tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro có thể dự đoán trước, Công ty cũng nhận thức được những rủi ro mang tính bất khả kháng, tuy ít xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh. Các rủi ro này bao gồm thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh... Để giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra rủi ro bất khả kháng, Công ty đã xây dựng các phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
Tổ chức và nhân sự	22
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	30
Cơ cấu cổ đông	34
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	35

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025:

Năm 2025 là năm có nhiều biến động do tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp dẫn đến khủng hoảng năng lượng, lạm phát, làm cho giá nguyên vật liệu giữ ở mức cao. Những yếu tố này đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh cho các ngành công nghiệp tại Việt Nam nói chung và ngành công nghiệp sơn nói riêng.

Ngay từ những tháng đầu năm 2025, Sơn Á Đông đã triển khai các biện pháp ứng phó với đã tăng giá của nguồn nguyên liệu, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm ổn định sản xuất, tiêu thụ, xây dựng các chương trình bán hàng, đẩy mạnh tiêu thụ, phân đầu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Tăng cường công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cải tiến hợp lý hóa quá trình sản xuất. Nghiên cứu dòng sản phẩm mới, sản phẩm thay thế để đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Rà soát, xác định các kế hoạch chi phí thực sự cần thiết cho sản xuất, kinh doanh, cắt giảm các chi phí chưa cấp thiết. Tạm dừng các hạng mục đầu tư, mua sắm, chưa thực sự cấp bách trong thời điểm hiện tại. Xây dựng và triển khai phương án sắp xếp, tinh gọn lao động linh hoạt theo kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất, đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền; quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.
- Thường xuyên theo dõi diễn biến, đánh giá nhu cầu thị trường qua đó tập trung nguồn lực, chi phí cho thị trường, phát triển sản phẩm, có đánh giá giữa chi phí gắn với hiệu quả kinh doanh.

Trước khó khăn nêu trên, Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Sơn Á Đông tuy không đạt được doanh thu như kế hoạch ĐHCĐ thông qua, nhưng chỉ tiêu lợi nhuận đã vượt kế hoạch đề ra. Các chỉ số tài chính của Sơn Á Đông luôn ở mức an toàn, khả năng tự tài trợ vốn cao, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng/Giảm năm 2025 so với năm 2024
1	Doanh thu thuần	651.761	817.854	-20,31
2	Giá vốn hàng bán	523.038	658.332	-20,55
3	Lợi nhuận gộp	128.723	159.522	-19,31
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	96.581	106.900	-9,65
5	Lợi nhuận trước thuế	95.927	106.837	-10,21
6	Lợi nhuận sau thuế	76.460	85.313	-10,38
7	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	3.319	3.703	-10,37

Kết thúc năm 2025, Doanh thu của công ty đạt 651,761 tỷ đồng, giảm 20,31% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế giảm 10,38% so với năm 2024, đạt 76,460 tỷ đồng. Sản lượng tiêu thụ năm 2025 đạt 5.832 tấn giảm 18,25% so với năm 2024.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2025		NĂM 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	523.038	80,25%	658.332	80,50%
Chi phí tài chính	2.179	0,33%	1.079	0,13%
Chi phí bán hàng	15.062	2,31%	18.732	2,29%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.119	3,39%	39.015	4,77%
Chi phí khác	654	0,10%	63	0,01%
Tổng chi phí	563.052	86,39%	717.221	87,70%
Doanh thu thuần	651.760		817.854	

Là doanh nghiệp ngành nghề chính là sản xuất sơn, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí, tương đương 523.038 tỷ đồng giảm 20,55% so với năm 2024. Nguyên nhân là giảm theo tỷ trọng với Doanh thu. Việc giữ được tỷ trọng các yếu tố chi phí giúp Sơn Á Đông đạt được lợi nhuận trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt với các thương hiệu nước ngoài và trong nước.

Hai khoản mục Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 15,06 tỷ đồng và 22,19 tỷ đồng. Tỷ lệ Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần và Chi phí Quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần được kiểm soát tương ứng 2,31% và 3,39%. Việc kiểm soát chi phí chặt chẽ, giúp công ty đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	TH2025/ KH2025
1	Tổng doanh thu	653.276	700.000	93,33%
2	Lợi nhuận trước thuế	95.927	70.000	137,04%

Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 653,276 tỷ đồng, giảm 6,67% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 95,927 tỷ đồng vượt 37,04% so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Để đạt được kết quả thắng lợi này, Ban lãnh đạo đã nỗ lực trong tìm kiếm nguồn khách hàng mới đảm bảo đầu ra cho sản phẩm, đề ra các chính sách bán hàng cũng như kiểm soát chặt chẽ các chi phí. Nhờ đó Sơn Á Đông tối ưu hóa hiệu quả.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Hội đồng quản trị			
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	2.318.269	10,06%
2	Ông Trần Bửu Trí	Phó Chủ tịch HĐQT	2.616.568	11,36%
3	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực	2.124.000	9,22%
4	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	2.534.400	11,00%
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	637.696	2,77%
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT độc lập	-	0,00%
7	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	133.500	0,58%
II	Ủy Ban kiểm toán			
1	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	-	0,00%
2	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên Ủy ban kiểm toán	135.500	0,58%
III	Ban điều hành			
1	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD thường trực	2.124.000	9,22%
2	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	2.534.400	11,00%
3	Ông Huỳnh Thanh Tâm	Kế toán trưởng	4.372	0,02%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ NGUYỄN THỊ NHUNG – CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1941

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian

Sự kiện

1960 – 1966 : Công tác tại Nhà máy Cao su Sao vàng Hà Nội
 1966 – 1972 : Thực tập sinh Nước CHXHCN Tiệp Khắc
 1972 – 1976 : Công tác tại Nhà máy Sơn Tổng Hợp Hà Nội
 1976 – 1980 : Tiếp quản Nhà máy Sơn Á Đông
 1980 – 2000 : Công tác tại công ty Sơn Chất Đeo – XN Sơn Á Đông
 2000 – 04/2022 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sơn Á Đông
 04/2022 – Nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 2.318.269 cổ phần, chiếm 10,06% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Võ Hồng Hà (Con trai) nắm giữ: 1.821.200 cổ phiếu, chiếm 7,90 % VDL
- Võ Thị Mai Hương (Con gái) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm 1,15 % VDL
- Võ Thị Bích Ngọc (Con gái) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm 2,77 % VDL
- Ông Trần Bửu Trí (con rể) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm 11,36 % VDL

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN BỬU TRÍ – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác:

Thời gian **Sự kiện**

2000 – 2001 : Công tác kỹ thuật bán hàng tại Công ty TNHH Long Thành

2001 – 04/2022 : Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ CTCP Sơn Á Đông

04/2022 – Nay : Thành viên HĐQT CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 2.318.269 cổ phần, chiếm 10,06% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ vợ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm 10,06 % VDL
- Bà Võ Thị Bích Ngọc (Vợ) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm 2,77 % VDL

ÔNG LÊ ĐÌNH QUANG – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TGĐ THƯỜNG TRỰC

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế, Chuyên ngành Tài chính – Kế toán

Cử nhân Luật, Chuyên ngành Thương mại

Quá trình công tác:

Thời gian **Sự kiện**

1985 – 1994 : Công tác tại phòng kế toán Công ty Thương nghiệp Huyện Bình Chánh, TP.HCM

1994 – 2000 : Phụ trách kế toán Xí nghiệp Sơn Á Đông

2000 – 2022 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc/Kế toán trưởng CTCP Sơn Á Đông

2022 – Nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 2.124.000 cổ phần, chiếm 9,22% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Vương Thị Huyền Trang (Vợ) nắm giữ: 964.974 cổ phiếu, chiếm 4,19% VDL

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG VÕ HỒNG HÀ – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TGĐ

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian **Sự kiện**

1992 - 2019 : Kinh doanh nhà hàng tại Đan Mạch

2019 - 2021 : Trợ lý Phó Tổng Giám Đốc

2022 - 04/2022 : Trưởng phòng Kế hoạch cung ứng vật tư CTCP Sơn Á Đông

05/2022–

01/2023 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc CTCP Sơn Á Đông

01/2023 – Nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 1.821.200 cổ phần, chiếm 7,90% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ vợ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm 10,06 % VDL
- Bà Võ Thị Mai Hương (Em ruột) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm 1,15 % VDL
- Bà Võ Thị Bích Ngọc (Em ruột) nắm giữ: 637.696 cổ phiếu, chiếm 2,77 % VDL
- Ông Trần Bửu Trí (Em rể) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm 11,36 % VDL

BÀ VÕ THỊ BÍCH NGỌC – THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian **Sự kiện**

2000 – 04/2022 : Công tác tại CTCP Sơn Á Đông

04/2022 – Nay : Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 637.696 cổ phần, chiếm 2,77 % VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nhung (Mẹ) nắm giữ: 2.318.269 cổ phiếu, chiếm 10,06 % VDL
- Ông Trần Bửu Trí (Chồng) nắm giữ: 2.616.568 cổ phiếu, chiếm 11,36 % VDL
- Ông Võ Hồng Hà (Anh ruột) nắm giữ: 1.821.200 cổ phiếu, chiếm 7,90 % VDL
- Bà Võ Thị Mai Hương (Chị ruột) nắm giữ: 264.312 cổ phiếu, chiếm 1,15 % VDL

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ NGUYỄN THỊ MINH SÁU – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Tiến Sĩ Kinh tế QTKD

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
1978 - 1996	: Làm việc tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
1997 - 2012	: Làm việc tại Tập đoàn Dầu khí Đa quốc gia Shell Việt Nam
2012 - 04/2022	: Nghỉ hưu theo chế độ và tham gia giảng dạy tại các trường đại học về quản trị kinh doanh
04/2022 – Nay	: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Ông Nguyễn Tài Thảo (Chồng) nắm giữ: 972.258 cổ phiếu, chiếm 4,22% VDL
- Bà Nguyễn Thị Lan Hương (Con) nắm giữ: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,09% VDL

ÔNG TỔNG TRƯỞNG THỊNH – THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Năm sinh: 1990

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hóa

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2013 - 2015	: Công tác tại Công ty TNHH Dệt may Thành công Việt Nam
2015 - 2017	: Công tác tại Công ty TNHH DKSH Việt Nam
2017 - 04/2022	: Công ty TNHH TMDV SX Bình Phú
04/2022 – Nay	: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm toán CTCP Sơn Á Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 133.500 cổ phần, chiếm 0,58% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Ông Tổng Quốc Minh (Cha) nắm giữ: 1.148.250 cổ phiếu, chiếm 4,98% VDL
- Bà Ngũ Thị Kim Lệ (Mẹ) nắm giữ: 597.150 cổ phiếu, chiếm 2,59% VDL
- Bà Tổng Trưởng Lộc (Chi) nắm giữ: 133.025 cổ phiếu, chiếm 0,58% VDL

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thông tin lý lịch của Ông Lê Đình Quang - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD và Ông Võ Hồng Hà - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD vui lòng xem tại thông tin giới thiệu Hội đồng quản trị.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG HUỖNH THANH TÂM – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2006 - 04/2022	: Phòng kế toán CTCP Sơn Á Đông
04/2023 - Nay	: Kế toán trưởng kiêm Người phụ trách quản trị Công ty/Thư ký Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 4.372 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có

GIỚI THIỆU ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thông tin lý lịch của Bà Nguyễn Thị Minh Sáu – Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán và Ông Tổng Trưởng Thịnh - Thành viên Ủy Ban Kiểm toán vui lòng xem tại thông tin giới thiệu Hội đồng quản trị.

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị: (Không có).

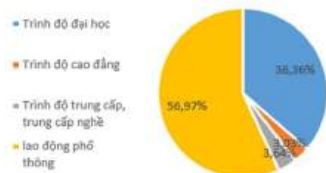
Những thay đổi trong Ủy Ban Kiểm toán: (Không có).

Những thay đổi trong Ban Điều hành: (Không có).

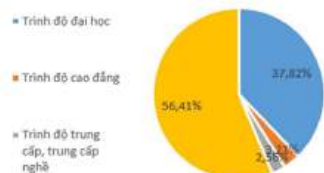
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN					
	Tính chất phân loại	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ				
1	Trình độ đại học	60	36,36%	59	37,82%
2	Trình độ cao đẳng	5	3,03%	5	3,21%
3	Trình độ trung cấp, trung cấp nghề	6	3,64%	4	2,56%
4	lao động phổ thông	94	56,97%	88	56,41%
B	Theo thời hạn lao động				
1	Hợp đồng có thời hạn 1 - 3 năm	56	33,94%	48	30,77%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	104	63,03%	106	67,95%
3	Lưu dụng	5	3,03%	2	1,28%
C	Theo giới tính				
1	Nam	128	77,58%	118	75,64%
2	Nữ	37	22,42%	38	24,36%
	Tổng cộng	165	100	156	100

Số lượng cán bộ, nhân viên Năm 2024



Số lượng cán bộ, nhân viên Năm 2025



THU NHẬP NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	150	165	156
Thu nhập bình quân (triệu đồng/ người/ tháng)	18.547.000	18.947.000	18.450.000

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng và thân thiện. Môi trường làm việc tốt là nền tảng quan trọng để cán bộ công nhân viên phát triển năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất lao động. Mỗi người lao động đều được tạo điều kiện để cảm thấy gắn kết và trở thành một phần quan trọng của công ty.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Công ty luôn tập trung vào việc phát triển năng lực toàn diện cho đội ngũ nhân viên thông qua việc thiết kế và tổ chức các chương trình đào tạo với mục đích mong muốn đội ngũ tại mỗi vị trí công việc sẽ phát huy hết khả năng về năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và được khuyến khích sáng tạo để gia tăng năng suất và hiệu quả trong công việc

- Phối hợp với các trung tâm đào tạo tổ chức các khóa học chuyên sâu cho nhân viên.
- Đào tạo về kỹ năng chuyên môn: Tại Sơn Á Đông ngoài việc chú trọng đào tạo kiến thức chuyên môn cho nhân sự tại Công ty, Sơn Á Đông cũng cử một số nhân sự phù hợp tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ trong lĩnh vực kỹ thuật, sản xuất của công ty
- Các khóa đào tạo về kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, được Sơn Á Đông triển khai phù hợp với từng cấp độ nhân sự, giúp cán bộ công nhân viên phát triển toàn diện các kỹ năng cần thiết cho công việc...
- Duy trì và cải thiện các chính sách đào tạo để đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa người lao động và doanh nghiệp, từ đó giữ vững sự đoàn kết và thống nhất nội bộ.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước; ngoài ra người lao động còn được Tổng công ty hỗ trợ tham gia bảo hiểm sức khỏe.

CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được hỗ trợ chi phí nghỉ mát, ...

CHẾ ĐỘ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể người lao động, bao gồm khám bệnh nghề nghiệp và khám chuyên sâu dành cho nữ giới, đảm bảo sức khỏe tốt nhất để làm việc hiệu quả.

LƯƠNG, THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm, hoạt động đầu tư của Công ty đã tập trung vào việc duy trì và cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh, đồng thời mở rộng quy 006Dô và nâng cao sức cạnh tranh thị trường. Điều này bao gồm việc bảo trì và nâng cấp cá trang thiết bị sản xuất, đồng thời tinh chỉnh quy trình vận hành để đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024	% Tăng/giảm năm 2025 so với năm 2024
1	Tổng giá trị tài sản	355.641	355.389	0,07
2	Doanh thu thuần	651.761	817.855	(20,31)
3	Lợi nhuận gộp	128.723	159.522	(19,31)
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	96.581	106.901	(9,65)
5	Lợi nhuận trước thuế	95.927	106.837	(10,21)
6	Lợi nhuận sau thuế	76.460	85.314	(10,38)
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3.319	3.703	(10,37)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
A	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,83	3,83
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,38	2,18
B	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
4	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	23,80	23,36
5	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	31,24	30,48
C	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,06	5,04
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,85	2,22
D	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	11,73	10,43
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	28,46	30,49
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	21,75	23,16
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	14,82	13,07

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các hệ số thanh toán của Công ty không có sự biến động nhiều trong năm 2025, với hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức 3,83 giữ nguyên so với năm 2024; và hệ số thanh toán nhanh 2,38 lần tăng nhẹ so với 2,18 lần năm 2024.

Do sự không ổn định về địa - chính trị bởi các cuộc xung đột trên thế giới đã ảnh hưởng nhiều đến kinh tế toàn cầu, tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giá nguyên vật liệu đầu vào biến động khó lường khiến Công ty ưu tiên sử dụng hàng tồn kho đã dự trữ và lựa chọn thời điểm phù hợp để tích trữ hàng tồn kho duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng tồn kho đạt 120,53 tỷ đồng, giảm 12,18% so với năm 2024.

Đối với nợ ngắn hạn, tính đến thời điểm 31/12/2025, nợ ngắn hạn ghi nhận ở mức 82,76 tỷ đồng, giảm 0,32% so với cùng kỳ năm ngoái. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ các khoản phải trả ngắn hạn, do thời điểm cuối năm Công ty chủ động nguồn nguyên vật liệu để chuẩn bị cho công tác sản xuất đầu năm 2026. Nhìn chung, Công ty vẫn hoàn toàn có đủ nguồn lực để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ đến hạn trong tương lai

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tỷ lệ nợ/tổng tài sản và tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty đều có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2025. Trong đó, tỷ lệ nợ/tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ từ 23,36% năm 2024 lên 23,80% năm 2025. Nợ phải trả ghi nhận mức 82,76 tỷ đồng, giảm 0,32% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng tài sản của Công ty tính đến ngày 31/12/2025 đạt 347,64 tỷ đồng, giảm 2,18% so với cùng kỳ. Mức giảm này chủ yếu đến từ việc giảm khoản phải thu khách hàng. Cụ thể, khoản phải thu ngắn hạn ghi nhận ở mức 45,77 tỷ đồng, giảm 32,98% so với năm 2024.

Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu cũng có sự gia tăng nhẹ từ 30,48% năm 2024 lên 31,124% năm 2025. Tuy nhiên, mức nợ này vẫn thấp hơn vốn chủ sở hữu, cho thấy Công ty đang kiểm soát tốt cơ cấu nợ và duy trì cấu trúc tài chính ổn định. Điều này giúp hạn chế rủi ro tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2025, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty đều có xu hướng giảm so với năm 2024. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 5,04 vòng năm 2024 giảm 4,06 vòng năm 2025. Nguyên nhân dẫn đến sự gia giảm này là do biến động khó lường của thị trường tác động trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu đầu vào và nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Công ty đã cân đối và điều chỉnh lượng nguyên vật liệu dự trữ cho phù hợp, thời điểm cuối năm Công ty đã tăng cường dự trữ hàng tồn kho để chuẩn bị cho việc sản xuất kinh doanh vào đầu năm 2026.

Vòng quay tài sản giảm trong năm 2025. Việc duy trì xu hướng tích cực trong những năm qua đã thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả của Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2025 ghi nhận nhiều biến động lớn trong nền kinh tế, đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp nói chung và ADP nói riêng. Tuy nhiên, khả năng sinh lời của Công ty trong năm qua vẫn có sự tăng trưởng tích cực.

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (tăng từ 10,43% lên 11,73%): Dù bán được ít hàng hơn, nhưng trên mỗi đơn vị sản phẩm bán ra, doanh nghiệp lại thu về nhiều lợi nhuận hơn. Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu (tăng từ 13,07% lên 14,82%): Chứng minh năng lực cắt giảm chi phí vận hành và quản lý giá vốn cực kỳ tốt. Nhờ sự chỉ đạo sáng suốt và chiến lược quản lý, sản xuất, kinh doanh phù hợp với bối cảnh của Ban lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Cổ phần: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sơn Á Đông

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 23.039.850 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 23.039.850 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chốt tại ngày: 31/12/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	704	22.846.510	98,90%
1	Cá nhân	702	22.765.010	98,81%
2	Tổ chức	2	21.700	0,09%
II	Cổ đông nước ngoài	25	193.340	1,10%
1	Cá nhân	19	73.500	0,32%
2	Tổ chức	6	179.640	0,78%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	729	23.039.850	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Không có)

Giao dịch cổ phiếu quỹ (Không có)

Các chứng khoán khác (Không có)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Phát triển bền vững là một quá trình hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong hai thập kỷ qua, vấn đề này ngày càng được quan tâm trên bình diện quốc tế, trở thành xu thế chung của toàn nhân loại. Năm 2015, Liên Hợp Quốc đã thông qua Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) với 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu cụ thể. Đây là một cam kết toàn cầu hướng đến xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người. Tại Việt Nam, phát triển bền vững được xác định là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Bất chấp xu hướng đô thị hóa, sơn nước là yếu tố cần thiết và phục vụ cho nhiều mục đích trang trí khác nhau như nhà cửa, trạm trường... Năm bắt nhu cầu đó mà ngày càng có nhiều nhà máy, xưởng sản xuất sơn ra đời. Và đi đôi với sự gia tăng đó là vấn đề ô nhiễm môi trường do ngành sản xuất sơn gây ra. Các tác động cụ thể có thể kể đến như:

- Khí thải: Chủ yếu phát sinh từ công đoạn sản xuất sơn, pha hóa chất, nguyên liệu... nước thải này chứa các thành phần ô nhiễm như Biological Oxygen Demand, Chemical Oxygen Demand, Tổng Nitrat nito NO₃ – N, Nitrit nito NO₂ – N, Amoniac nito NH₃ – N và các hữu cơ ngoại quan nito, màu, Ngoài ra còn có nước thải ngành sơn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của người lao động trong quá trình lau dọn nhà máy. Nếu không được xử lý trước khi xả thải sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người xung quanh.
- Khí thải và bụi: Phát sinh từ các hơi dung môi trong quy trình sản xuất sơn phát tán ra không khí. Các loại khí, bụi này phát tán vào môi trường sẽ gây ô nhiễm không khí và tác động đến sức khỏe con người.
- Chất thải rắn: Phát sinh từ các sản phẩm phụ gia, dung môi, nguyên liệu bị hư hỏng, các thùng nhựa có dính chất sơn...

Nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường, Sơn Á Đông đã triển khai nhiều giải pháp như:

- Áp dụng công nghệ tiên tiến: Công ty đầu tư áp dụng các công nghệ tiên tiến để giảm thiểu phát thải khí thải, nước thải, tiếng ồn, rung...
- Tăng cường công tác quản lý: Công ty tăng cường công tác quản lý, giám sát hoạt động sản xuất để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm về bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức: Công ty tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường.

Công ty cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, góp phần bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là doanh nghiệp hoạt động phần lớn trong lĩnh vực sản xuất sơn, nguồn nguyên liệu đầu vào của ADP chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài.

Để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào với chất lượng cao nhất cũng như đảm bảo việc chủ động được nguồn nguyên liệu đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu. Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp nguyên vật liệu lâu năm cho Công ty, Công ty luôn tích cực tìm kiếm, hợp tác với các nhà cung cấp có năng lực và uy tín cả trong và ngoài nước. Thường xuyên tổ chức các Hội nghị gặp gỡ thường niên nhà cung cấp để tạo mối quan hệ và cập nhật thông tin tình hình diễn biến của giá cả nguyên vật liệu đầu vào

Ngoài ra, Công ty sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách tối ưu, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và định lượng. Nguyên vật liệu được sử dụng đúng mục đích, đủ lượng tiêu thụ, tuân theo quy trình sản xuất, được kiểm soát chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra nhằm đảm bảo tính an toàn và bảo vệ môi trường sản xuất, môi trường tự nhiên xung quanh. Công ty luôn ý thức được việc tái chế, tái sử dụng những nguồn nguyên vật liệu có thể tái sản xuất, đồng thời vẫn đảm bảo độ an toàn và kiểm soát chất lượng thành phẩm xuất ra thị trường tiêu thụ.

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiết kiệm năng lượng là giải pháp quan trọng để tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Để thực hiện hiệu quả, Công ty cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng.
- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.
- Nâng cao ý thức sử dụng năng lượng của người lao động.

Việc kiểm tra bảo dưỡng định kỳ giúp phát hiện và khắc phục kịp thời các hư hỏng, giảm tiêu hao năng lượng, nâng cao hiệu quả hoạt động. Điều này, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty mà còn góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty luôn đề cao việc sử dụng nguồn nước hiệu quả và bền vững thông qua chiến lược tái sử dụng nước một cách khoa học. Công ty đã triển khai các hoạt động, chính sách sau:

- Sử dụng các thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước trong sản xuất và sinh hoạt.
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức tiết kiệm nước cho cán bộ, nhân viên.
- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường nước, Công ty luôn nỗ lực sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả. Qua đó từng bước khẳng định cam kết phát triển bền vững, đồng hành cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Sơn Á Đông luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty cũng đã tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động đối với môi trường. Với những nỗ lực trong việc bảo vệ môi trường, trong năm 2025, Công ty không vi phạm các quy định và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, Công ty Cổ phần Sơn Á Đông mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Ngoài các chương trình ủng hộ quỹ an sinh xã hội theo định kỳ hàng năm, Công ty cũng tham gia công tác tài trợ, hỗ trợ khác, v.v...



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh	39
Tình hình tài chính	41
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	42
Kế hoạch phát triển trong tương lai	43

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2025 nền kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Tăng trưởng toàn cầu có cải thiện song thiếu đồng đều, lạm phát tuy được kiểm soát nhưng vẫn gây áp lực lên chi phí sản xuất, chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn duy trì trạng thái thận trọng. Cùng với đó, căng thẳng địa chính trị, xung đột thương mại và gián đoạn cục bộ của chuỗi cung ứng tiếp tục ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư quốc tế.

Trong nước, nền kinh tế vừa thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát thúc đẩy tăng trưởng, vừa triển khai sắp xếp lại đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, qua đó tạo tiền đề để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời phát sinh những yêu cầu mới trong công tác điều hành, tổ chức thực hiện và phân bổ nguồn lực. Đặc biệt, nền kinh tế phải đối mặt với thiên tai lịch sử, gây hậu quả nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống xã hội.

Chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế đều được thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra. Dưới sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo và nỗ lực không ngừng của toàn thể toàn thể CBCNV, Sơn Á Đông đã vượt qua những khó khăn và biến động của thị trường trong năm 2025 và đạt được kết quả như sau:

- Doanh thu thuần đạt 653,28 tỷ đồng, giảm 20,44% so với năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 76,46 tỷ đồng, giảm 10,38% so với năm 2024.

KHÓ KHĂN



Các cuộc xung đột chính trị diễn ra với tần suất dày đặc, như xung đột ở các quốc gia Nga – Ukraine, xung đột tại Trung Đông đã ảnh hưởng đáng kể đến chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến giá cước vận chuyển gia tăng và giá nguyên vật liệu, nhiên liệu tăng cao do nguồn cung bị hạn chế ... dẫn đến nhiều tác động tiêu cực cho ngành công nghiệp sơn, mực in Việt Nam;

Nguồn cung nguyên liệu có xu hướng giảm nhưng chủ yếu chỉ là nguồn từ Trung Quốc và xu hướng này không bền vững. Trong khi giá cả nguyên liệu có nguồn gốc từ châu Âu vẫn cao;

Thị trường nội địa đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các đối thủ có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 65% thị trường với chất lượng ổn định, đa dạng chủng loại, lại tung nhiều kinh phí để quảng bá sản phẩm, cùng với hãng sơn nội địa đang tham gia thị phần

Trong bối cảnh thị trường bán lẻ các sản phẩm sơn dân dụng, sơn kỹ nghệ diễn ra khốc liệt, Công ty thực hiện nhiều chương trình giá giảm và tăng chiết khấu thương mại nhằm thu hút thêm khách hàng, khiến chi phí dành cho các chương trình này tăng cao. Thêm vào đó, các chi phí khác như chi phí đầu tư vào nghiên cứu sản phẩm mới, chi phí đầu tư cho máy móc thiết bị ngày càng tăng cao đã tạo áp lực lên doanh số của Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THUẬN LỢI

Sản lượng sơn cuộn năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, nhờ sự phát triển của ngành công nghiệp và xây dựng. Các dự án cơ sở hạ tầng và nhà máy mới thúc đẩy nhu cầu sử dụng sơn cuộn, đặc biệt trong các lĩnh vực như sản xuất tôn và thép mạ màu; Thị trường sơn tàu biển không có nhiều biến động đáng kể so với năm trước. Nhu cầu ổn định do các hoạt động đóng mới và bảo trì tàu duy trì ở mức trung bình; Phân khúc sơn dân dụng ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhờ sự phục hồi của thị trường bất động sản và nhu cầu cải tạo nhà ở.

Nền tảng hợp tác quốc tế sẵn có về chuyển giao công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty sản xuất các sản phẩm tiêu chuẩn quốc tế và dịch vụ chất lượng cao; Đi sâu nghiên cứu sản xuất thêm các dòng sản phẩm sơn mới phù hợp với nhu cầu của thị trường, đáp ứng mọi nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Sơn Á Đông có được sự đồng hành của các cán bộ, công nhân viên, đặc biệt là đội ngũ kỹ thuật và vận hành sản xuất, được đào tạo kỹ năng và chuyên môn chuyên sâu. Đội ngũ lao động có tay nghề, tận tâm với công việc, đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất và quản lý.

Kinh tế Việt Nam vẫn đang hồi phục và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Điều này cho thấy, có nhiều không gian và cơ hội cho các hãng sơn Việt phát triển và cạnh tranh trên thị trường nội địa;

Nhà máy Sơn Á Đông – Long An đã xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động sản xuất cho ra sản phẩm có công suất thiết kế 15.000 tấn/năm các sản phẩm sơn gốc dầu (chủ yếu sơn kỹ nghệ và sơn tàu biển & công nghiệp độ bền cao) và dự phòng có thể nhanh chóng mở rộng sản xuất trong tương lai.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	31/12/2025	Tỷ trọng năm 2025	31/12/2024	DVT: Triệu đồng Tỷ trọng năm 2024
Tài sản ngắn hạn	317.083	91,21%	318.232	89,54%
Tài sản dài hạn	30.558	8,79%	37.156	10,46%
Tổng tài sản	347.641	100%	355.388	100%

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty là 347,64 tỷ đồng, giảm 2,18% so với thời điểm 31/12/2024. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm 0,36% so với năm 2024, chiếm 91,21% tổng tài sản với giá trị 317,08 tỷ đồng. Chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn là phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Điều này, giúp ADP chủ động bổ sung nguồn vốn lưu động, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và ứng phó kịp thời với rủi ro hoạt động kinh doanh.

Tài sản dài hạn của Sơn Á Đông giảm 17,76% so với cuối năm 2024, xuống còn 30,56 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ trọng tài sản dài hạn vẫn chiếm 8,79% tổng tài sản, cho thấy ADP vẫn chú trọng đầu tư vào các trang thiết bị, nhà xưởng, máy móc để nâng cao năng lực sản xuất.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	31/12/2025	Tỷ trọng năm 2025	31/12/2024	DVT: Triệu đồng Tỷ trọng năm 2024
Nợ phải trả	82.755	23,80%	83.024	23,36%
- Nợ ngắn hạn	82.755	23,80%	83.024	23,36%
- Nợ dài hạn				
Vốn chủ sở hữu	264.886	76,20%	272.365	76,64%
Tổng nguồn vốn	347.641	100%	355.389	100%

Tính đến ngày 31/12/2025, nợ phải trả của ADP giảm 0,32% từ 83,02 tỷ đồng xuống 82,76 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Công ty luôn hướng đến mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi để giảm thiểu áp lực lãi vay. Nhờ vậy, tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì ở mức cao qua các năm. Tính đến cuối năm 2025, vốn chủ sở hữu chiếm 76,20% nguồn vốn, tương đương 264,89 tỷ đồng.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng lẫn hình thức mẫu mã bao bì.
- Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực quản lý sản xuất, chú trọng công tác hợp lý hóa các khâu sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong tình hình mới, tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty.
- Bố trí sắp xếp lại các khâu sản xuất một cách hợp lý để tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động nhằm tăng thu nhập cho người lao động.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2026

STT	CHUNG LOẠI	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026	
			SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (Đồng)
I	DOANH THU SON DÂN DỤNG			
	ALKYD	Lít	440.000	34.500.000.000
II	DOANH THU SON KỸ NGHỆ			
	SON KÊM	Lít	90.000	7.600.000.000
	PCM	Lít	4.500.000	438.100.000.000
III	DOANH THU SON TÀU BIỂN			
	STOVING	Lít	210.000	20.300.000.000
	KHÁC	Lít	21.000	2.000.000.000
	TB ADP	Lít	450.000	47.500.000.000
TỔNG DOANH THU			5.691.000	550.000.000.000
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ				55.000.000.000

Các hoạt động triển khai trong năm 2026

Đối với sản xuất kinh doanh sơn

Đối với khách hàng

- Hoàn thiện hệ thống phân phối truyền thống, mục tiêu phủ đầy các tỉnh thành đạt từ 1 – 2 nhà phân phối/ 1 tỉnh. Áp dụng quy chế bán hàng năm 2025 cho hệ thống nhà phân phối nhằm thúc đẩy doanh thu.
- Đối với Khách hàng chủ lực: không ngừng ổn định chất lượng sản phẩm; cải tiến sản phẩm để tăng nhiều ứng dụng sản phẩm cho khách hàng; tăng cường chăm sóc dịch vụ kỹ thuật;
- Đối với Dự án, công trình: thiết lập đội ngũ tạo mối quan hệ trong ngành chuyên trách (thiết kế, dự án, nhà thầu...); Xây dựng chính sách giá công trình phù hợp từng quy mô, mục đích công trình/ dự án...

Đối với sản phẩm

- Tiếp tục ổn định và cải tiến chất lượng sản phẩm.
- Đưa ra thị trường thêm các dòng sơn mới: Sơn kềm; Sơn PU kinh tế; Sơn chống vân tay; Sơn có hàm lượng kim loại nặng thấp; Sơn Alkyd nhanh khô; Sơn chống tia UV.

Đối với kỹ thuật

- Đầu tư máy móc thiết bị mới phục vụ việc cải tiến sản phẩm, nghiên cứu sản phẩm mới.
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kỹ sư.

Đối với đầu tư sản xuất

- Cải tiến, đầu tư mới máy nghiền.
- Đầu tư mới dây chuyền đóng gói sản phẩm.

Nhân sự và đào tạo

- ❖ Năm 2026 tiếp tục tuyển dụng nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu của Công ty, đặc biệt nhân sự có trình độ, kinh nghiệm cho sự phát triển những dòng sơn mới – cho sự phát triển thị trường và hệ thống nhà phân phối đại lý...
- ❖ Thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ, kỹ năng cho người lao động.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá về các mặt hoạt động Công ty	45
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	46
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	47

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi và tăng trưởng, với ngành công nghiệp hóa chất và xây dựng đóng vai trò quan trọng. Ngành hóa chất ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, nhờ nhu cầu nội địa và xuất khẩu tăng cao, cùng với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất. Trong khi đó, ngành xây dựng được thúc đẩy bởi các dự án hạ tầng chiến lược như đường cao tốc Bắc - Nam, sân bay Long Thành và kế hoạch phát triển nhà ở xã hội. Thị trường vật liệu xây dựng sôi động trở lại, góp phần đáp ứng nhu cầu lớn từ các công trình đang triển khai. Cả hai ngành đều tận dụng tốt các chính sách hỗ trợ, tạo nền tảng phát triển vững chắc trong bối cảnh nhiều thách thức toàn cầu.

Hội đồng quản trị đã luôn theo sát các biến động của thị trường, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường, tối đa hóa hiệu quả. Với sự hỗ trợ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng/ĐỐI TÁC và nỗ lực vượt bậc, đoàn kết một lòng, tập thể CB-CNV Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ giao phó.

Nhờ sự đồng lòng, đoàn kết giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV, kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty đạt được những kết quả đáng khích lệ như sau:

- Doanh thu thuần thực hiện năm 2025 đạt 653,28 tỷ đồng, đạt 93,33% kế hoạch đặt ra.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 95,93 tỷ đồng, hoàn thành 137,04% kế hoạch của ĐHCĐ đặt ra.

Công tác nhân sự tiếp tục được thực hiện một cách công khai, minh bạch, khoa học. Công tác đào tạo được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của CBCNV, chuẩn bị nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển công ty. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban Tổng giám đốc trong việc dẫn dắt Công ty đạt được những kết quả tích cực trong năm 2025. Ban Tổng giám đốc đã thể hiện năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành hiệu quả, tuân thủ các chỉ đạo, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Cụ thể như sau:

- ❖ Về công tác quản lý điều hành: Ban giám đốc đã triển khai hiệu quả các biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2025, đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đã đề ra. Công ty đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, bao gồm nộp thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, và đảm bảo quyền lợi của người lao động theo luật định.
- ❖ Về đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả: Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm chi phí, định mức và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chủ động dự báo mua vật tư, nguyên vật liệu đã giúp đảm bảo nguồn cung ứng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- ❖ Về công tác quản lý kỹ thuật: Công tác quản lý chất lượng sản phẩm luôn được ưu tiên hàng đầu. Song song đó chú trọng giảm định mức tiêu hao, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đóng gói hàng hóa. Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- ❖ Về đẩy mạnh kinh doanh: Triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt đến từng khách hàng, từng đại lý, nhà phân phối để đẩy mạnh tiêu thụ. Mở rộng thị trường mới, ngoại tỉnh, và đẩy mạnh hoạt động marketing.
- ❖ Về công tác đầu tư: Thực hiện chủ trương tiết giảm đầu tư, tập trung vào các hạng mục cấp thiết.
- ❖ Về các công tác khác: Sắp xếp lại quy trình và nhân sự các phòng ban, kết hợp với tổ chức Công đoàn đẩy mạnh phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo; Phối hợp tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, giám sát chỉ đạo việc công bố thông tin chính xác, minh bạch đúng quy định của pháp luật; Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

Kết luận: Trong một năm hoạt động, Ban Tổng giám đốc đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng với năng lực và kinh nghiệm của mình, Ban Tổng giám đốc sẽ tiếp tục dẫn dắt Công ty vượt qua những thách thức và đạt được những thành công mới trong tương lai.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHẬN ĐỊNH CHUNG

Bên cạnh việc đặt ra các mục tiêu kinh doanh cụ thể cho năm 2026 với tổng doanh thu dự kiến đạt 550 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 55 tỷ đồng, thì việc cạnh tranh với các công ty nước ngoài tham gia hoạt động vào thị trường sơn vẫn là một thách thức thường xuyên cho ADP. Với quyết tâm tập trung hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch hoạt động với các mục tiêu và giải pháp như sau:

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao phó.
- Hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu ADP.
- Liên tục cập nhật tình hình kinh tế thế giới và diễn biến giá nguyên liệu đầu vào, và xây dựng các chính sách kịp thời để có giải pháp sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế
- Thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng nhằm giải quyết hài hòa lợi ích và thắt chặt mối quan hệ giữa Công ty với khách hàng, đại lý, nhà phân phối và người trực tiếp sử dụng sản phẩm của Công ty.
- Tập trung vào việc củng cố và phát triển thị trường mục tiêu, có chính sách hợp lý để phát triển thị trường mới, nơi có kênh phân phối và chú trọng giữ vững thị trường hiện đang có.
- Nghiên cứu, thực thi các cơ chế chính sách thị trường, phân khúc thị trường, xác định nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng để sản xuất cho ra những dòng sản phẩm mà xã hội cần.
- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, hạn chế tối đa lỗi sản phẩm, chú trọng kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng đầu vào nguyên liệu và đầu ra thành phẩm, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn cả về chất lượng lẫn hình thức mẫu mã bao bì.
- Chú trọng phát triển các dòng sản phẩm trong tương lai là các sản phẩm sạch để thân thiện với môi trường sống của xã hội, cộng đồng.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	49
Ủy ban kiểm toán	51
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy Ban Kiểm toán	52

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	2.318.269	10,06
2	Ông Trần Bửu Trí	Phó Chủ tịch HĐQT	2.616.568	11,36
3	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	2.124.000	9,22
4	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	2.534.400	11,00
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	637.696	2,77
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
7	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	135.500	0,58

CÁC TIÊU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiêu ban trực thuộc. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, ngoài ra đề ra các quyết định phê duyệt, chỉ đạo kinh doanh kịp thời. Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	
2	Ông Trần Bửu Trí	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
3	Ông Lê Đình Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	7/7	100%	
4	Ông Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	7/7	100%	
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT độc lập	7/7	100%	
7	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	7/7	100%	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau.

01	001/NQ-HDQT	20/01/2025	Thông qua KQ-SX-KD Quý 4/2024 và năm 2024.
02	001/QĐ-HDQT	26/02/2025	Thành lập ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 24 năm 2025.
03	002/NQ-HDQT	26/02/2025	Chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
04	003/NQ-HĐQTBT	04/04/2025	Thông qua tài liệu nghị sự chuẩn bị cho ĐHĐCĐ năm 2025.
05	004/NQ-HDQT	05/05/2025	Chi trả cổ tức bổ sung năm 2024; Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025; Chi thưởng cho HĐQT và Ban điều hành khi thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2024
06	002/QĐ-HDQT	05/05/2025	Chi trả cổ tức bổ sung năm 2024.
07	003/QĐ-HDQT	25/06/2025	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2025.
08	005/NQ-HDQT	17/07/2025	Thông qua KQ-SX-KD Quý 2/2025 và 06 tháng đầu năm 2025.
09	004/QĐ-HDQT	22/09/2025	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2025.
10	006/NQ-HDQT	16/10/2025	Thông qua KQ-SX-KD Quý 3/2025 và 09 tháng đầu năm 2025.
11	005/QĐ-HDQT	12/12/2025	Chi trả cổ tức đợt 3 năm 2025.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- Thành viên độc lập HĐQT cũng đưa ra nhận xét về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, các rủi ro, thách thức, kiến nghị và đề xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT và Công ty, từ đó khẳng định cam kết thực hiện tốt vai trò của mình.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Sơn Á Đông. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch	-	-
2	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên	135.500	0,58

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- Ủy ban kiểm toán thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ủy ban kiểm toán đã tham dự họp tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, soát xét, kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phát hành ra trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp Ủy ban kiểm toán đều đề xuất các ý kiến quan trọng về vấn đề tài chính, nhân sự, đầu tư...
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng xác thực của các thông tin công bố tới các cổ đông của Công ty;
- Đánh giá, thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá kịp thời tính chính xác và hợp lý của các số liệu tài chính;
- Giám sát, đánh giá thường xuyên hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT;
- Xem xét tính hợp lý, hợp pháp trong việc ban hành các Nghị quyết của HĐQT và Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của UBKT.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong năm 2025, Ủy Ban kiểm toán đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã đưa ra các ý kiến đối với các chủ trương quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo các chủ trương quyết định được ban hành phù hợp các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty. Ủy Ban kiểm toán cũng đồng thời đã có ý kiến phản hồi và trao đổi nhằm đảm bảo quá trình điều hành thực hiện đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ủy Ban kiểm toán cũng đã có những tiếp xúc, trao đổi với cổ đông về tình hình tài chính và tình hình hoạt động của Công ty, lĩnh hội những ý kiến đóng góp và giải thích những vấn đề mà cổ đông cần làm rõ về Công ty.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP ỦY BAN KIỂM TOÁN:

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch	7/7	100%
2	Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên	7/7	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Thu nhập
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch HĐQT	428.000.000
2	Ông Trần Hữu Trí	Phó chủ tịch HĐQT	382.000.000
3	Ông Lê Đình Quang	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.184.925.012
4	Ông Võ Hồng Hà	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.057.097.346
5	Bà Võ Thị Bích Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	354.000.000
6	Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên HĐQT	414.000.000
7	Ông Tống Trường Thịnh	Chủ tịch UBKT	402.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi,...)
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Võ Hồng Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	2.534.400	11,00%	1.821.200	7,90%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: (Không có)
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: (Không có)

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



Member of MSI Global Alliance

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG
1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 31



Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Son Á Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Son Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Son Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Son Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 08/05/2023 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, TP Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm son và nguyên liệu, thiết bị ngành son; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành son; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Cụm CN Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch
Ông Trần Bửu Trí	Phó Chủ tịch
Ông Lê Đình Quang	Thành viên
Ông Võ Hồng Hà	Thành viên
Bà Võ Thị Bích Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Thành viên độc lập
Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Lê Đình Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Võ Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ủy Ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thị Minh Sáu	Chủ tịch
Ông Tống Trường Thịnh	Thành viên

Đại diện pháp luật

Bà Nguyễn Thị Nhung	(được bà Nguyễn Thị Nhung ủy quyền ngày 01/03/2026)
Ông Lê Đình Quang	

Kế toán trưởng

Ông Huỳnh Thanh Tâm	
---------------------	--

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2025, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Duyệt, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Nguyễn Thị Nhung

Duyệt, ngày 19 tháng 03 năm 2026

TM. Ban Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc thường trực


Lê Đình Quang



Số: 229/BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông, được lập ngày 19/03/2026, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc


Lê Kim Ngọc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2023-142-1

TP. HCM, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Kiểm toán viên


Nguyễn Đăng Lê Trung
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3264-2022-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		317.082.724.980	318.232.759.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.506.633.073	9.757.936.691
Tiền	111		15.506.633.073	9.757.936.691
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	134.000.000.000	102.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		134.000.000.000	102.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.814.068.944	68.594.229.322
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.767.180.177	68.285.939.397
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		399.980	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.772.119.039	1.133.398.444
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(725.630.252)	(825.108.519)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		120.531.526.392	137.241.012.240
Hàng tồn kho	141	V.7	120.531.526.392	137.241.012.240
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		230.496.571	639.581.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	230.496.571	639.581.074
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.558.552.210	37.156.354.345
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.558.552.210	37.156.354.345
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	15.039.785.853	21.152.626.540
- Nguyên giá	222		141.147.770.978	140.868.944.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.107.985.125)	(119.716.317.649)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.518.766.357	16.003.727.805
- Nguyên giá	228		24.248.072.436	24.248.072.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.729.306.079)	(8.244.344.631)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		347.641.277.190	355.389.113.642
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.755.382.186	83.024.281.255
I. Nợ ngắn hạn	310		82.755.382.186	83.024.281.255
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	43.178.851.016	55.756.046.482
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		137.234.995	415.059.929
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.971.706.375	9.662.673.085
Phải trả người lao động	314		11.063.389.661	16.510.705.471
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	19.353.157.732	628.753.881
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.042.407	51.042.407
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13	264.885.895.004	272.364.832.388
I. Vốn chủ sở hữu	410		264.885.895.004	272.364.832.388
Vốn góp của chủ sở hữu	411		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230.398.500.000	230.398.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.235.180.969	7.235.180.969
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.252.214.035	34.731.151.419
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.479.346.419	104.838.419
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.772.867.616	34.626.313.000
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		347.641.277.190	355.389.113.643

Lập ngày 19 tháng 03 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc thường trực

Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm


Lê Đình Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	653.276.510.478	821.151.104.229
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.515.872.142	3.296.405.810
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		651.760.638.336	817.854.698.419
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	523.037.699.851	658.332.372.224
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		128.722.938.485	159.522.326.195
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.217.865.257	6.204.783.087
Chi phí tài chính	22	VI.5	2.179.095.048	1.078.757.733
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	8.331.282
Chi phí bán hàng	25	VI.8	15.061.803.477	18.732.188.831
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	22.118.849.651	39.015.353.341
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		96.581.055.566	106.900.809.147
Thu nhập khác	31	VI.6	131.511	5.558
Chi phí khác	32	VI.7	654.412.046	63.655.334
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(654.280.535)	(63.649.776)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		95.926.775.031	106.837.159.371
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	19.466.237.415	21.523.176.371
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		76.460.537.616	85.313.983.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3.319	3.703
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	3.319	3.703

Người lập biểu


Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng


Huỳnh Thanh Tâm

Lập ngày 19 tháng 03 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc thường trực


Lê Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		95.926.775.031	106.844.144.775
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.257.602.136	7.243.407.296
- Các khoản dự phòng	03		(99.478.267)	725.630.252
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		35.342.752	(28.323.413)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.609.628.740)	(5.319.130.022)
- Chi phí lãi vay	06		-	8.331.282
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		96.510.612.912	109.474.060.170
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		22.488.816.728	(4.724.820.363)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		16.709.485.818	(13.056.329.192)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(21.663.830.715)	(16.683.684.535)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		409.084.503	(10.901.623)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(8.331.282)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(19.623.176.371)	(20.785.272.320)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.300.000.000)	(2.220.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.530.992.875	51.984.720.854
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(659.800.000)	(1.740.279.525)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(277.500.000.000)	(214.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		245.500.000.000	242.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.000.450.657	6.065.945.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.659.349.343)	32.325.665.566



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	6.683.336.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(6.683.336.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(59.122.947.150)	(93.066.360.984)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.122.947.150)	(93.066.360.984)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		5.748.696.382	(8.755.974.564)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	9.757.936.691	18.513.911.255
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	15.506.633.073	9.757.936.691



Người lập biểu

Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Tâm

Lập ngày 19 tháng 03 năm 2026
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Lê Đình Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xi Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười một mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 08/05/2023 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 230.398.500.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 : 230.398.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 1387 Bến Bình Đông, Phường Phú Định, TP Hồ Chí Minh.

Số lượng Cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 155 người (tại ngày 31/12/2024 là 159 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, sản xuất

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm sơn và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Thiết kế và cung ứng các loại dịch vụ kỹ thuật khác về sản phẩm và nguyên liệu, thiết bị ngành sơn; Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có

6. Mô hình hoạt động

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Long An	Cụm CN Hải Sơn, ấp Bình Tiên II, xã Đức Hòa Hạ, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam



II. KỸ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

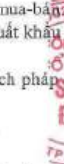
Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bên nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08 năm
- Máy móc, thiết bị	06-08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị văn phòng	06-07 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06-08 năm
- Tài sản vô hình	03-05 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	50 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trong điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng, bằng tiền, hiện vật ...

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

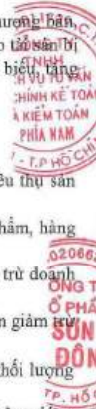
Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	151.970.965	159.020.991
+ Tiền mặt (VND)	151.970.965	159.020.991
- Tiền gửi ngân hàng	15.354.662.108	9.598.915.700
+ Tiền gửi (VND)	15.354.662.108	9.598.915.700
Tiền gửi Vietinbank - CN 6	14.703.444.329	9.172.365.031
Tiền gửi Sacombank - CN Bình Tây	651.217.779	426.550.669
Cộng	15.506.633.073	9.757.936.691

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (6 tháng)	134.000.000.000	134.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000
Ngân hàng Sacombank CN. Bình Tây	134.000.000.000	134.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000
	134.000.000.000	134.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công Ty CP Tôn Mạ VNSTEEL Thăng Long	12.860.661.610	13.697.454.487
- Công Ty TNHH Phú Huỳnh	725.630.252	725.630.252
- Công Ty Tôn Phương Nam	28.359.381.982	47.889.534.080
- Công Ty TNHH GREIF Việt Nam	225.489.312	64.224.776
- DNTN SX-TM-DV Thép Đồng Tiến-Nhật Việt	725.218.413	858.578.633
- Liên Doanh Việt Nga Vietsovpetro	-	2.944.434.514
- Đối tượng khác	2.870.798.608	2.106.083.035
Cộng	45.767.180.177	68.285.939.397



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ phân bổ
- Chi phí bảo hiểm tài sản
- Chi phí chính sửa phần mềm kế toán
- Chi phí sửa chữa
- Chi phí đồng phục
- Chi phí khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ phân bổ	-	-
- Chi phí bảo hiểm tài sản	40.439.005	41.693.699
- Chi phí chính sửa phần mềm kế toán	-	53.333.334
- Chi phí sửa chữa	-	75.872.187
- Chi phí đồng phục	-	112.360.251
- Chi phí khác	190.057.566	356.321.603
Cộng	230.496.571	639.581.074

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngắn hạn

- Tam ứng
- Ký cược, ký quỹ
- Phải thu khác
- + BHYT, BHXH, BHYTN
- + Lãi tiền gửi tiết kiệm
- + Các đối tượng khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tam ứng	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu khác	1.772.119.039	-	1.133.398.444	-
+ BHYT, BHXH, BHYTN	475.203	-	1.932.691	-
+ Lãi tiền gửi tiết kiệm	1.761.643.836	-	1.125.465.753	-
+ Các đối tượng khác	10.000.000	-	6.000.000	-
Cộng	1.772.119.039	-	1.133.398.444	-

6 . NỢ XẤU

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Chi tiết:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	-	-	16.620.000	-
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	-	-	12.950.457	-
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh Điện Sơn Hải Thịnh	-	-	4.000.000	-
Công ty Cổ Phần Nhôm Kính Tây Đô	-	-	65.907.810	-
Công Ty TNHH Phú Huỳnh	725.630.252	-	725.630.252	-
Cộng	725.630.252	-	825.108.519	-

7 . HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí SXKD dở dang
- Thành phẩm

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	71.572.026.130	-	93.529.993.803	-
- Chi phí SXKD dở dang	43.775.278.599	-	-	-
- Thành phẩm	5.184.221.663	-	43.711.018.407	-
Cộng	120.531.526.392	-	137.241.012.210	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCB hữu hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND	
							Năm 2025	Năm 2024
Nguyên giá								
Số dư đầu năm	66.370.926.176	53.929.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	6.915.949.697	140.868.944.189		
Số tăng trong năm	-	114.000.000	-	-	545.800.000	659.800.000		
- Mua trong năm	-	114.000.000	-	-	545.800.000	659.800.000		
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-		
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-		
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-		
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-		
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-		
Số dư cuối năm	66.370.926.176	54.043.186.991	10.806.957.016	2.845.924.309	7.080.776.486	141.147.770.978		
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	48.852.952.031	53.446.020.323	9.669.309.339	2.843.216.435	4.904.819.521	119.716.317.649		
Số tăng trong năm	5.681.505.128	257.627.050	525.638.712	2.707.874	305.161.926	6.772.640.690		
- Khấu hao trong năm	5.681.505.128	257.627.050	525.638.712	2.707.874	305.161.926	6.772.640.690		
- Tăng khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-		
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-		
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-		
- Giảm khác (do phân loại lại)	-	-	-	-	-	-		
Số dư cuối năm	54.534.457.159	53.703.647.373	10.194.948.051	2.845.924.309	4.829.008.233	126.107.985.125		
Giá trị còn lại								
Tại ngày đầu năm	17.517.974.145	483.166.668	1.137.647.677	2.707.874	2.011.130.176	21.152.626.540		
Tại ngày cuối năm	11.836.469.017	339.539.618	612.008.965	-	2.251.768.253	15.039.785.853		

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

79.321.858.754 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	24.248.072.436					24.248.072.436	
Số tăng trong năm							
- Mua trong năm							
- Tạo ra từ nội bộ							
- Tăng do hợp nhất kinh doanh							
- Tăng khác							
Số giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	24.248.072.436					24.248.072.436	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	8.244.344.631					8.244.344.631	
Số tăng trong năm	484.961.448					484.961.448	
- Khấu hao trong năm	484.961.448					484.961.448	
- Tăng khác							
Số giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	8.729.306.079					8.729.306.079	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	16.003.727.805					16.003.727.805	
Tại ngày cuối năm	15.518.766.357					15.518.766.357	



23



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công Ty Arkema Coating Resin	12.510.643.200	12.510.643.200	12.619.956.128	12.619.956.128
- Công Ty CP Hc Ma Ha	812.376.000	812.376.000	297.891.000	297.891.000
- DNTN TM DV Bình Phú	197.302.392	197.302.392	3.706.717.064	3.706.717.064
- Công Ty Nam Đan	985.214.556	985.214.556	1.831.203.000	1.831.203.000
- CN Công Ty Đầu Tư PTTT Hoà Chất (HN)	426.708.000	426.708.000	66.000.000	66.000.000
- Công Ty Phụ Gia Tâm Nhìn Afona	2.411.551.321	2.411.551.321	3.353.070.908	3.353.070.908
- Eternal Resin Co., Ltd.	-	-	911.659.680	911.659.680
- Công Ty TNHH Eastchem	62.640.000	62.640.000	1.268.774.688	1.268.774.688
- Công Ty CP Sam Chem Quả Cầu	890.738.640	890.738.640	-	-
- Công Ty CP Vật liệu Công nghệ Sáng Tạo	1.066.363.920	1.066.363.920	2.164.388.600	2.164.388.600
- CN Công Ty TNHH FSI Việt Nam	956.885.832	956.885.832	1.132.240.164	1.132.240.164
- Công Ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Gia My	1.441.715.274	1.441.715.274	4.179.507.440	4.179.507.440
- Công Ty TNHH CTS Solutions Việt Nam	1.132.054.812	1.132.054.812	1.560.282.240	1.560.282.240
- Công Ty TNHH P&ID Việt Nam	479.746.800	479.746.800	2.925.208.000	2.925.208.000
- Macro Polymers P.Limited	3.127.257.120	3.127.257.120	3.057.942.080	3.057.942.080
- Đối tượng khác	16.677.653.149	16.677.653.149	16.681.205.490	16.681.205.490
Cộng	43.178.851.016	43.178.851.016	55.756.046.482	55.756.046.482

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	736.203.273	59.870.342.637	60.463.434.313	143.111.597
+ Thực nộp bằng tiền	736.203.273	15.925.901.707	16.518.993.383	143.111.597
+ Được khấu trừ	-	43.944.440.930	43.944.440.930	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	14.117.195.757	14.117.195.757	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.541.536.338	19.466.237.415	19.623.176.371	8.384.597.382
Thuế thu nhập cá nhân	384.933.474	5.570.570.534	5.511.506.612	443.997.396
Thuế đất, thuế nhà đất	-	696.974.573	696.974.573	-
Thuế khác	-	338.312.550	338.312.550	-
Cộng	9.662.673.085	100.059.633.466	100.750.600.176	8.971.706.375

Quyết toán thuế của Công Ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

Ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- KPCĐ	201.277.732	228.753.881
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	18.431.880.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	720.000.000	400.000.000
+ Trích trước chi phí phát theo biên bản	320.000.000	-
+ Đối tượng khác	400.000.000	400.000.000
Cộng	19.353.157.732	628.753.881



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU
13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dẫn tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	49.556.530.919	287.190.211.888
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	85.313.983.000	85.313.983.000
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(47.231.692.500)	(47.231.692.500)
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(47.231.692.500)	(47.231.692.500)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(50.687.670.000)	(50.687.670.000)
- Chia thưởng HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.220.000.000)	(2.220.000.000)
Số dư cuối năm trước	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	34.731.151.419	272.364.832.388
(Số dư đầu năm nay)	-	-	-	-	-	76.460.537.616	76.460.537.616
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(29.951.805.000)	(29.951.805.000)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(29.951.805.000)	(29.951.805.000)
- Chia thưởng HĐQT và Ban điều hành	-	-	-	-	-	(50.687.670.000)	(50.687.670.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
Số dư cuối năm	230.398.500.000	-	-	-	7.235.180.969	27.252.214.035	264.885.895.004



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Nhung	23.182.690.000	23.182.690.000
- Vốn góp của Ông Trần Bửu Trí	26.165.680.000	26.165.680.000
- Vốn góp của Ông Lê Đình Quang	21.240.000.000	21.240.000.000
- Vốn góp của Ông Võ Hồng Hà	18.212.000.000	25.344.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	141.598.130.000	134.466.130.000
Cộng	230.398.500.000	230.398.500.000

13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	230.398.500.000	230.398.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	230.398.500.000	230.398.500.000
- Chia cổ tức, tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế	(80.639.475.000)	(97.919.362.500)

13.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.039.850	23.039.850
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu phổ thông	23.039.850	23.039.850
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

13.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7.235.180.969	7.235.180.969
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

14.1. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên tệ	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH TM DV Phát Phúc	VND	16.620.000	31/12/2025	Không thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Đại Hùng Cường	VND	12.950.457	31/12/2025	Không thể thu hồi
Công ty TNHH Gia Công Sơn Tĩnh Điện Sơn	VND	4.000.000	31/12/2025	Không thể thu hồi
Công ty Cổ Phần Nhóm Kính Tây Đô	VND	65.907.810	31/12/2025	Không thể thu hồi
TỔNG CỘNG		99.478.267		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	28.622.500	77.000.000
- Doanh thu bán thành phẩm	651.207.887.978	818.934.104.229
- Doanh thu khác	2.040.000.000	2.140.000.000
Cộng	653.276.510.478	821.151.104.229

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	1.515.872.142	3.296.405.810
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	1.515.872.142	3.296.405.810

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	19.025.327	95.638.951
- Giá vốn thành phẩm đã bán	523.018.674.524	658.236.733.273
Cộng	523.037.699.851	658.332.372.224

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.609.628.740	5.319.130.022
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	608.236.517	857.329.622
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	28.323.413
Cộng	7.217.865.257	6.204.783.057

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	8.331.282
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.143.752.296	1.070.426.451
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.342.752	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	2.179.095.048	1.078.757.733

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản khác	131.511	5.558
Cộng	131.511	5.558

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Phạt vi phạm hợp đồng	320.000.000	44.932.850
- Phí chậm nộp tiền thuế TNCN	334.312.550	-
- Phí chậm nộp tiền thuế đất	-	18.690.177
- Các khoản khác	99.496	32.307
Cộng	654.412.046	63.655.334

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

8.1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	594.730.085	685.204.978
- Chi phí nhân công	9.275.526.644	10.194.620.644
- Chi phí khấu hao	78.787.879	204.034.106
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.990.623.636	4.539.581.011
- Các khoản chi phí bán hàng khác	2.122.135.233	3.108.748.092
Cộng	15.061.803.477	18.732.188.831

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1.441.842.563	1.651.917.597
- Chi phí nhân công	13.834.339.607	29.114.446.070
- Chi phí khấu hao	416.975.375	563.363.076
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.344.721.855	1.525.514.404
- Thuế, phí, lệ phí	716.214.573	17.888.340
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	725.630.252
- Các khoản chi phí QLDN khác	2.364.755.678	5.416.593.353
Cộng	22.118.849.651	39.015.353.542

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	538.165.454.140	675.590.923.535
- Chi phí nhân công	45.834.517.479	60.244.627.020
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.257.602.138	7.243.407.296
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.358.471.480	10.253.215.562
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	725.630.252
- Chi phí bằng tiền khác	10.128.463.000	14.322.083.391
Cộng	609.744.508.237	768.379.887.556

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.466.237.415	21.523.176.371
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	19.466.237.415	21.523.176.371

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95.926.775.031	106.837.159.371
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	1.404.412.046	778.722.484
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.404.412.046	778.722.484
Chi phí phạt vì phạm hành chính, truy thu thuế, chi phí dự phòng	654.412.046	28.722.484
Thù lao hội đồng quản trị	750.000.000	750.000.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	97.331.187.077	107.615.881.855
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện	19.466.237.415	21.523.176.371
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	19.466.237.415	21.523.176.371
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	76.460.537.616	85.313.983.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	23.039.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.319	3.703

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	76.460.537.616	85.313.983.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.039.850	23.039.850
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.319	3.703

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
- Thông tin về các bên liên quan

3.1. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Nhung	428.000.000	348.000.000
Trần Bửu Trí	382.000.000	302.000.000
Lê Đình Quang	1.184.925.012	1.121.356.785
Võ Hồng Hà	1.057.097.346	984.200.810
Võ Thị Bích Ngọc	354.000.000	274.000.000
Nguyễn Thị Minh Sáu	414.000.000	334.000.000
Tổng Trưởng Thịnh	402.000.000	322.000.000

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

- Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh sản phẩm sơn. Ngoài các nguồn doanh thu này, Công ty không có (rất ít) doanh thu từ hoạt động khác do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.
- Bên cạnh đó khu vực hoạt động của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý để theo dõi và quản lý hoạt động của mình.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN HIA NAM T.P.HỒ CHÍ MINH

20862 NG T PHÁP ĐƠN ION HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thục Thanh

Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tâm

Lên, ngày 19 tháng 03 năm 2026
Phó Tổng Giám đốc thường trực



Lê Đình Quang





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN THỊ NHUNG